

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 09/9/2022.
V/v: Đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Võ Văn Liêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:** Bà Thị Xà Ly – kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2022, về: “Đòi lại tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H – sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T – sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2022, bản tự khai và lời trình bày của ông Nguyễn Văn L như sau:

Vào tháng 10/2019, ông có cho bà Nguyễn Thị Bích H là chị họ của ông mượn 01 chiếc xe Yamaha FZ 150, biển số xe 68E1-125.55, đặc điểm xe màu trắng, dung tích 149, số khung G1110EK003663, số máy G3D1E-003630, giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 002361, cấp ngày 13/3/2015, do ông là người đứng tên giấy đăng ký xe. Ông là người chở bà H đến tiệm cầm đồ Tân và kêu ông T cầm chiếc xe trên để lấy 40 triệu đồng. Mục đích ông cho bà H mượn xe cầm là để trả tiền cho Ngân hàng K. Bà H hứa sau khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ chuộc lại xe trả cho ông nhưng từ khi cầm xe cho đến nay bà H không chuộc xe trả lại cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải trả lại chiếc xe trên cho ông. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà thừa nhận có mượn chiếc xe của ông L đem đi cầm ở tiệm cầm đồ Tân lấy 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc bà cầm chiếc xe là do ông L gợi ý và tự nguyện dẫn bà cùng chiếc xe trên đến tiệm cầm đồ Tân để cầm và lấy tiền. Sau đó bà trả cho ông L 32.000.000 đồng, bà lấy 8.000.000 đồng. Nay ông L kiện bà đòi chiếc xe bà không có tiền chuộc xe trả cho ông L nên bà xin trả cho ông L giá trị chiếc xe là 40.000.000 đồng, nhưng bà xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng bà trả cho ông L 1.500.000 đồng, thời gian bắt đầu trả tiền vào ngày 04/10/2022 cho đến khi trả hết số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Vào ngày 11/10/2019 âm lịch, ông Nguyễn Văn L có dẫn bà Nguyễn Thị Bích H đến nhà ông (tiệm cầm đồ Tân) cầm 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha, màu trắng, biển kiểm soát 68E1-125.55 và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn L với giá 40.000.000 đồng. Do chỗ quen biết và ông L kêu ông cầm chiếc xe này với tên bà H nên sau khi xem xong ông đồng ý nhận cầm xe và giao 40.000.000 đồng cho bà H, lúc giao dịch cầm xe cùng có mặt ông L. Theo hợp đồng thì bà H cầm chiếc xe này trong thời gian 30 ngày nhưng cho đến nay đã 34 tháng mà bà H vẫn chưa chuộc lại xe.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải trả cho ông 40.000.000 đồng tiền cầm xe và lãi suất 3%/tháng, từ ngày bà H cầm xe cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện. Đồng thời, khi bà H trả tiền cho ông thì ông sẽ giao trả lại chiếc xe cho bà H. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải trả cho ông chiếc xe Yamaha FZ 150, biển số xe 68E1-125.55 do ông là chủ sở hữu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H không thống nhất trả lại chiếc xe mà đồng ý trả lại giá trị chiếc xe cho ông bằng 40.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T không có yêu cầu.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Văn T là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

[2] Về nội dung: Vào ngày 11/10/2019 âm lịch, ông Nguyễn Văn L cho bà Nguyễn Thị Bích H mượn 01 chiếc xe Yamaha FZ 150, biển số xe 68E1-125.55, đặc điểm xe màu trắng, dung tích 149, số khung G1110EK003663, số máy G3D1E-003630, giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 002361, cấp ngày 13/3/2015, do ông Nguyễn Văn L người đứng tên giấy đăng ký xe. Ông L dẫn bà H đến tiệm cầm đồ Tân do ông Lê Văn T làm chủ và kêu ông T cầm chiếc xe trên bằng tên của bà H, tại thời điểm thực hiện giao dịch cầm xe cùng có mặt ông L.

[3] Về quan hệ cầm cố: Khi ông L dẫn bà H đến tiệm cầm đồ và kêu ông T cầm xe thì ông L phải ý thức được hậu quả pháp lý của giao dịch này. Do chỗ quen biết và được sự đồng ý của ông L nên ông T đã nhận cầm chiếc xe trên với giá 40.000.000 đồng bằng tên của bà H. Khi nhận cầm xe, tuy người cầm xe không phải là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nhưng có mặt ông L là chủ sở hữu hợp pháp đi cùng và chính ông L là người kêu ông T cầm chiếc xe trên nên ông T thực hiện việc cầm chiếc xe là không vi phạm pháp luật vì có sự đồng ý của chủ sở hữu hợp pháp, nghĩa là việc ông T chiếm hữu chiếc xe này là có căn cứ pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 165 Bộ luật dân sự.

Khi cầm xe, ông L biết thời gian thỏa thuận cầm xe chỉ trong 30 ngày và ý thức được nếu không chuộc lại xe đúng hạn thì bên cầm xe có quyền bán tài sản và có quyền tính lãi đối với số tiền cầm xe. Hết thời hạn cầm xe theo thỏa thuận nhưng bà H không chuộc xe thì ông L đã gặp ông T để đóng lãi nhiều lần với số tiền khoảng 7.000.000 đồng. Nay ông L kiện bà H, yêu cầu bà H trả lại chiếc xe trên là không phù hợp vì nó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên nhận cầm xe. Mặt khác, chiếc xe hiện không do bà H giữ mà ông T là người đang chiếm hữu hợp pháp. Theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự về quyền đòi lại tài sản thì “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ sự chiếm hữu của chủ thể đang có quyền khác đối với tài sản đó”. Vì vậy, ông L yêu cầu bà H phải trả xe cho ông là không có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H xin trả lại số tiền trị giá chiếc xe trên nhưng ông L không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của ông Lê Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích H phải trả cho ông 40.000.000 đồng tiền cầm xe và lãi suất 3%/tháng, từ ngày bà H cầm xe cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện nhưng Tòa án đã thông báo cho ông 02 lần để ông thực hiện quyền yêu cầu độc lập nhưng ông không thực hiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Tại phiên tòa, sau khi thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Văn T, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Buộc ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008814, ngày 28/4/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 165 và 166 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008814, ngày 28/4/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang